

Số: 96/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lý Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 113/2026/TLST-VLĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 77/2026/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1973; thường trú: Số B khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 2003; thường trú: Số nhà C, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ông Phạm Đình N, sinh năm 1986; địa chỉ: A, khu phố T, phường B, tỉnh Đông Nai – là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 13/3/2026). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1971; thường trú: Tiểu khu F, phường T, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty TNHH H1; địa chỉ: Lô A, 116, 124, 125, một phần lô số 117, 126 đường số F, Khu công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yoon T1 – chức vụ tổng giám đốc. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở D – Bảo hiểm xã hội Thành phố H; Địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T2, sinh năm: 1988; thường trú: Số A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 06/4/2026). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo uỷ quyền thống nhất trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2011, bà Nguyễn Thị H đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH E và từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2026 tại Công ty TNHH F (Việt Nam), quá trình làm việc, bà Nguyễn Thị H được Công ty TNHH E và Công ty TNHH F (Việt Nam) tham bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với số sổ: 9107277424.

Nay bà Nguyễn Thị H tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Nguyễn Thị H bị trùng.

Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do bà Nguyễn Thị M sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị H giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 trong thời gian từ tháng 09/2002 đến tháng 11/2007 và từ tháng 03/2011 đến tháng 10/2012. Quá trình làm việc, bà Nguyễn Thị M được Công ty TNHH H1 tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm 0201059494. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà Nguyễn Thị M mượn thông tin cá nhân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà Nguyễn Thị M có công việc để trang trải cuộc sống.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH H1 là vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H là chị em ruột. Do không đủ giấy tờ tùy thân để giao kết hợp đồng lao động nên bà Nguyễn Thị M đã mượn thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị H để xin vào làm việc tại Công ty TNHH H1 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2002 đến tháng 11/2007 và từ tháng 03/2011 đến tháng 10/2012 với số sổ bảo hiểm xã hội là 0201059494. Vì không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế mưu sinh nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay. Nay bà Nguyễn Thị M thống nhất với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H với Công ty TNHH H1 vô hiệu. Bà Nguyễn Thị M cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H1 trình bày:

Theo các dữ liệu được lưu trữ trên dữ liệu máy tính của Công ty TNHH H1, người lao động tên Nguyễn Thị H, sinh ngày: 03/09/1973, số CMND: 171506533 vào làm việc tại công ty ngày 13/09/2002, nghỉ việc ngày 18/10/2012.

Công ty thực hiện việc giao kết hợp đồng và tham gia bảo hiểm theo quy định, với số sổ BHXH: 0201059494, có quá trình tham gia BHXH từ tháng 09/2002 đến tháng 10/2012. Bà Nguyễn Thị H vào công ty làm việc với vai trò là công nhân may. Thời gian làm việc của bà Nguyễn Thị H theo như quy định của nội quy lao động công ty.

Công ty đã thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị H theo quy định. Khi tuyển dụng, theo quy định của công ty tất cả người lao động khi xin việc phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Công ty căn cứ hồ sơ xin việc phù hợp của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không, bởi vì

hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Khi người lao động vào làm việc thì Công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động đó theo quy định.

Nay người lao động cho rằng có sự việc bà Nguyễn Thị H cho chị ruột là bà Nguyễn Thị M sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị H để ký kết hợp đồng lao động với công ty TNHH H1. Việc người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà Nguyễn Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, theo đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị H yêu cầu toà án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (do người khác giả mạo tên) với Công ty TNHH H1 trong khoảng thời gian từ tháng 09/2002 đến tháng 10/2012 thì Công ty ghi nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D - Bảo hiểm xã hội Thành phố H trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 số CCCD 038173014905, thì Công ty TNHH H1 có tham gia BHXH, BHTN cho bà Nguyễn Thị H theo số sổ BHXH 0201059494 có quá trình tham gia BHXH, BHTN từ tháng 09/2002 đến tháng 11/2007 và từ tháng 03/2011 đến tháng 10/2012 đã chốt sổ và đã nhận trợ cấp BHXH một lần.

Qua kiểm tra dữ liệu, bà Nguyễn Thị H còn có mã số BHXH 9107277424 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2011 tại Công Ty TNHH E và từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2026 tại Công ty TNHH F (Việt Nam).

- Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH H1, đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị H, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị H, BHXH không có ý kiến.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tham gia phiên họp vắng mặt tuy nhiên đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 09/2002 đến tháng 11/2007 và từ tháng 03/2011 đến tháng 10/2012, người lao động Nguyễn Thị H giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 và được Công ty TNHH H1, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 0201059494. Tuy nhiên, người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 và thực tế làm việc tại công ty T3 khoảng thời gian từ tháng 09/2002 đến tháng 10/2012 là bà Nguyễn Thị M (do bà Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị M mượn thông tin cá nhân).

[3] Xét thấy, lời khai của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị M phù hợp với lời trình bày của Công ty TNHH H1, xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D và các chứng cứ người yêu cầu cung cấp. Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 02/2011, bà Nguyễn Thị H đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH E và từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2026 tại Công ty TNHH F (Việt Nam), quá trình làm việc, bà Nguyễn Thị H được Công ty TNHH E và Công ty TNHH F (Việt Nam) tham bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với số sổ: 9107277424. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 trong khoảng thời gian tháng 09/2002 đến tháng 11/2007 và từ tháng 03/2011 đến tháng 10/2012 là bà Nguyễn Thị M, không phải là bà Nguyễn Thị H. Đây là hợp đồng lao động không đúng về chủ thể, thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H với Công ty TNHH H1 theo sổ bảo hiểm xã hội số 0201059494 bị vô hiệu.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*", chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và ý kiến của bà Nguyễn Thị M về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH H1 trong giai đoạn từ tháng 09/2002 đến tháng 11/2007 và từ tháng 03/2011 đến tháng 10/2012 là bà Nguyễn Thị M, không phải là bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị M có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 0201059494.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị H.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H với Công ty TNHH H1 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 0201059494) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 0201059494 không phải là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân

số: 038173014905. Bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 0201059494.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0018332 ngày 25/3/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Mỹ Thanh